

Số: 236 /QĐ-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKH-CN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét Báo cáo đánh giá chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước số 01/2024/HĐHQ; 06/2024/HĐHQ-QN; 01/2024/HĐHQ-TG ngày 31/12/2024 và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT với số HQ.25.00110 cho 06 sản phẩm; QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT với số HQ.05.0.23.00660-15 cho 01 sản phẩm của Công ty TNHH Uni-President Việt Nam, địa chỉ tại: Số 16-18-20, đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Giấy chứng nhận, Phụ lục 1, Phụ lục 2 của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực 02 năm từ ngày ký và thay thế Quyết định số 194/QĐ-TTKN-CNKN ngày 13/01/2025. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với sản phẩm nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH Uni-President Việt Nam được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Uni-President Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT tỉnh Bình Dương;
- Giám đốc (b/c);
- Trung tâm Vùng I; II;
- Văn phòng Trung tâm (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yến

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

STT	Tên sản phẩm/ Nhóm sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
1	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhân hiệu UNIVANA PRO mã số IP801/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.25.00110-1	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,27	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	3,8	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhân hiệu UNIVANA PRO mã số IP802/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.25.00110-2		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	1,28	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,18	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhân hiệu UNIVANA PRO mã số IP803/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.25.00110-3		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	1,26	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017



STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
4	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhân hiệu UNIVANA PRO mã số IP804/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.25.00110-4	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng 1	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,4	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	3,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhân hiệu UNIVANA PRO mã số IP805/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.25.00110-5		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,35	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	3,4	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
6	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhân hiệu UNIVANA PRO mã số IP806/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.25.00110-6		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
7	Thức ăn hỗn hợp cho cá Thát Lát nhân hiệu UP mã số KF04/ (Thức ăn hỗn hợp)	HQ.05.0.23.00 660-15		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,4	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH – Không phát hiện



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Địa điểm sản xuất	Tiêu chuẩn chứng nhận
1	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA PRO mã số IP801	HQ.25.00110-1	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20. Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam; - Địa điểm 3: Chi nhánh công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Quảng Nam. Lô số 14, KCN Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT
2	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA PRO mã số IP802	HQ.25.00110-2		
3	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA PRO mã số IP803	HQ.25.00110-3		
4	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA PRO mã số IP804	HQ.25.00110-4		
5	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA PRO mã số IP805	HQ.25.00110-5		
6	Thức ăn hỗn hợp cho Tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA PRO mã số IP806	HQ.25.00110-6		
7	Thức ăn hỗn hợp cho cá Thát Lát nhãn hiệu UP mã số KF04	HQ.05.0.23.00660-15	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20. Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	

